



CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
RANGDONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY  
PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 126

Add: 87-89, Hadrinh Str - Thanh Xuan Dist - Hanoi - Vietnam  
Tel: (84.24) 38584310 - 38584165 Fax: (84.24) 38585038  
Email: ralaco@rangdong.com.vn Website: rangdongvn.com

Số/No.: 24.07.08 /TN - 09

Trang/Page: 1 / 2

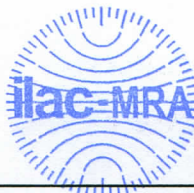
- Tên mẫu thử: Đèn LED cầu mực CM01 50W.V2 4000K  
Name of sample
- Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
Customer Địa chỉ: 87-89 Phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông  
Manufacturer
- Số lượng mẫu: 01 cái  
Quantity of samples
- Ký hiệu: CM01 50W.V2  
Model
- Mã số mẫu: 24.07.08.09  
Code of sample
- Ngày nhận mẫu: 08/ 07/ 2024  
Date of reception
- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 11846:2017/ IEC 62776:2014  
Standard applies TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014
- Kết quả: Xem trang 02/ 02  
Result

Hanoi, Date of 16/ 07/ 2024

Thử nghiệm viên/Tester  
(Họ tên và chữ ký/name and signature)

KT. Trưởng PTN/ Head of Lab.  
(Họ tên và chữ ký/name and signature)

Nguyễn Minh Thư



Kim Tuấn Anh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới/ This result of testing is only for sample brought in the by customer
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty/ Copying of part of this result is prohibited without agreement by the company.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo khai báo của khách hàng./ Name of sample and name of customer is written according to the declaration of the customer

PTN.TT02.BM04 Ban hành lần 1.1

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****Test Results**

| TT/<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Specifications                                    | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method        | Yêu cầu<br>Requirement                 | Kết quả<br>Result |
|-----------|-------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|
| 1         | Ghi nhãn                                                          |                | TCVN 10885-2-1:2015/                  | Rõ ràng, đủ độ bền                     | Đạt               |
| 2         | Thử nóng ẩm trong 48 giờ ở nhiệt độ 25 °C, độ ẩm tương đối 93 %RH |                | IEC 62722-2-1:2014                    |                                        |                   |
| 2.1       | Điện trở cách điện                                                | MΩ             | TCVN 7722-1:2017/<br>IEC 60598-1:2014 | ≥ 1                                    | > 200             |
| 2.2       | Thử nghiệm độ bền điện áp 500 V/1 phút, tần số 50 Hz              |                |                                       | Không bị phóng điện bề mặt, đánh thủng | Đạt               |
| 3         | Thông số điện, quang khi cấp điện áp nguồn 12VDC                  |                |                                       |                                        |                   |
| 3.1       | Công suất                                                         | W              |                                       | ≤ 50 + 10%                             | 49,6              |
| 3.2       | Điện áp                                                           | V              |                                       | --                                     | 12,0              |
| 3.3       | Dòng điện                                                         | A              |                                       | --                                     | 4,13              |
| 3.4       | Quang thông                                                       | lm             |                                       | ≥ 5 000 – 10%                          | 4 985             |
| 3.5       | Hiệu suất phát sáng                                               | lm/W           |                                       | ≥ 100 – 20%                            | 100,5             |
| 3.6       | Nhiệt độ màu tương quan (CCT)                                     | K              |                                       | --                                     | 4 017             |
| 3.7       | Hệ số thể hiện màu (CRI)                                          |                |                                       | ≥ 80 – 3                               | 84,1              |
| 4         | Thử nghiệm cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài (Mã IP)                       |                |                                       | IP66                                   | Đạt               |